

## **CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

### **I. Thông tin chung về ngành đào tạo**

<b>STT</b>	<b>Tiêu đề</b>	<b>Nội dung</b>
1.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	QUẢN LÝ KINH TẾ
2.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	ECONOMIC MANAGEMENT
3.	Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
4.	Ngành đào tạo	Quản lý kinh tế
5.	Mã ngành	9310110
6.	Đối tượng tuyển sinh	Theo quy định tại Điều 5 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 1893/QĐ-ĐHTN ngày 25/10/2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.
7.	Thời gian đào tạo chuẩn	03 năm
8.	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	90 tín chỉ
9.	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Quản lý – Luật kinh tế
10.	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11.	Website	<a href="http://qllkt.tueba.edu.vn/">http://qllkt.tueba.edu.vn/</a>
12.	Thang điểm	Thang điểm 10
13.	Điều kiện tốt nghiệp	NCS được công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau: a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường đồng ý thông qua. b) NCS đã nộp cho Nhà trường (bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có).

STT	Tiêu đề	Nội dung
		c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm số của ĐHTN (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Nhà trường.
14.	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Tiến sĩ Quản lý kinh tế Tiếng Anh: Doctor of philosophy in Economic Management
15.	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học sau khi tốt nghiệp tiến sĩ ngành quản lý kinh tế có thể công tác trong các các cơ quan, đơn vị sau: i) Cán bộ quản lý và lãnh đạo tại các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, doanh nghiệp và tổ chức khác; ii) Chuyên viên tư vấn, hoạch định chiến lược và chính sách phát triển kinh tế trong các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, doanh nghiệp và tổ chức khác; iii) Nghiên cứu viên trong lĩnh vực quản lý kinh tế, giảng viên đảm nhận công tác giảng dạy có liên quan đến các chính sách kinh tế, quản lý và lãnh đạo...tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và các tổ chức khoa học – công nghệ.
16.	Chương trình đào tạo đối sánh	1. CTĐT Tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế - Trường ĐH Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội; 2. CTĐT Tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế - Trường ĐH Thương mại
17.	Thông tin kiểm định CTĐT	
18.	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 4/2024

## I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý kinh tế nhằm cung cấp cho xã hội những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện, năng lực giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học, thực tiễn và hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1. Phân tích, đánh giá kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện, phát triển các vấn đề lý thuyết trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

PO2. Kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản lý kinh tế; kỹ năng quản lý điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; tham gia thảo luận trong nước, quốc tế và phổ biến các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

PO3. Năng lực sáng tạo, khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia; sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

### III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	
PLO1	Đánh giá thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lenin; có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ (tiếng Anh) và sử dụng được những kiến thức nói trên trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp	5
PLO2	Tạo ra được các kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế vào thực tiễn	5
PLO3	Phát triển các kiến thức liên ngành liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế	5
	<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	
PLO4	Xây dựng quy trình quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức	5
PLO5	Sáng tạo các vấn đề quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức	5
PLO6	Tạo ra tri thức chuyên sâu về quản lý kinh tế cho người khác	5
	<b>Chuẩn đầu ra về Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
PLO7	Tuân thủ các quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế	5
PLO8	Giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức.	5
PLO9	Tạo ra ảnh hưởng cá nhân trong lĩnh vực chuyên sâu về quản lý kinh tế	5

#### IV. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo

##### 1. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo với người học từ thạc sĩ ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức

TT	Nội dung chương trình đào tạo	Mã học phần	Số TC	Đáp ứng CDR CTĐT	Năm
<b>I</b>	<b>Học phần chương trình tiến sĩ</b>		<b>8</b>		
<b>I.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>4</b>		
1	Phương pháp NCKH và viết luận án tiến sĩ	MWD 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	1
2	Quản lý kinh tế nâng cao	EEM 821	2	PLO2, PLO5, PLO9	1
	<b>Học phần tự chọn</b> (Chọn 02 trong số 05 học phần)		<b>4</b>		
3,4	Kinh tế lượng ứng dụng	AEC 821	2	PLO2, PLO4, PLO8	1
	Lãnh đạo học	SCL 821	2	PLO2, PLO4, PLO9	1
	Quản lý tài chính công	EAH 821	2	PLO2, PLO4, PLO8	1
	Quản lý khoa học-công nghệ	STM 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	1
	Tổ chức không gian kinh tế - xã hội	OSE 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	1
<b>II</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>	OVE 821	<b>2</b>	PLO1, PLO4, PLO7	1
<b>III</b>	<b>Chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>		
1	Chuyên đề 1	DIT 821	2	PLO3, PLO5, PLO8	1
2	Chuyên đề 2	DIT 822	2	PLO3, PLO5, PLO8	2
3	Chuyên đề 3	DIT 823	2	PLO3, PLO5, PLO8	3
<b>IV</b>	<b>4. Seminar</b>				
1	Seminar 1	SEM 801	đk	PLO1, PLO4, PLO7	1
2	Seminar 2	SEM 802	đk	PLO2, PLO4, PLO8	1
3	Seminar 3	SEM 803	đk	PLO3, PLO5, PLO8	2
4	Seminar 4	SEM 804	đk	PLO3, PLO5, PLO8	2
5	Seminar tổng thể	OVS 801	đk	PLO1, PLO3, PLO4, PLO9	3
<b>V</b>	<b>Luận án tiến sĩ</b>	EMA 908	<b>74</b>	PLO1, PLO3, PLO4, PLO9	3
<b>Tổng tín chỉ toàn khóa</b>			<b>90</b>		

**4.2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo đối với người học từ thạc sĩ ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức**

TT	Nội dung chương trình đào tạo	Mã học phần	Số TC	Đáp ứng CDR CTĐT	Năm
<b>I</b>	<b>Chương trình bổ sung kiến thức</b>		<b>18</b>		
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>		
1	Quản trị học nâng cao	MAN 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
2	Quản lý công	MOP 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
3	Quản lý phát triển địa phương	MLD 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
	<b>Học phần tự chọn</b> (Chọn 3 trong số 5 học phần)		<b>9</b>		
4,5,6	Tài chính phát triển	DEF 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
	Quản lý dự án	PRM 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
	Tâm lý học quản lý kinh tế	EMP 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
	Quản lý rủi ro và khủng hoảng	RMC 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
<b>II</b>	<b>Chương trình tiến sĩ</b>		<b>90</b>		
	<b>1. Học phần chương trình tiến sĩ</b>		<b>8</b>		
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>4</b>		
7	Phương pháp NCKH và viết luận án tiến sĩ	MWD 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	1
8	Quản lý kinh tế nâng cao	EEM 821	2	PLO2, PLO5, PLO9	1
	<b>Học phần tự chọn</b> (Chọn 2 trong số 5 học phần)		<b>4</b>		
9,10	Kinh tế lượng ứng dụng	AEC 821	2	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Lãnh đạo học	SCL 821	2	PLO2, PLO4, PLO9	2
	Quản lý tài chính công	EAH 821	2	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Quản lý khoa học - công nghệ	STM 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	2
	Tổ chức không gian kinh tế - xã hội	OSE 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	2
11	<b>2. Tiểu luận tổng quan</b>	OVE 821	<b>2</b>	PLO1, PLO4, PLO7	1
	<b>3. Chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>		
12	Chuyên đề 1	DIT 821	2	PLO3, PLO5, PLO8	2
13	Chuyên đề 2	DIT 822	2	PLO3, PLO5, PLO8	2
14	Chuyên đề 3	DIT 823	2	PLO3, PLO5, PLO8	3

TT	Nội dung chương trình đào tạo	Mã học phần	Số TC	Đáp ứng CDR CTĐT	Năm
	<b>4. Seminar</b>				
15	Seminar 1	SEM 801	đk	PLO1, PLO4, PLO7	2
16	Seminar 2	SEM 802	đk	PLO2, PLO4, PLO8	2
17	Seminar 3	SEM 803	đk	PLO3, PLO5, PLO8	3
18	Seminar 4	SEM 804	đk	PLO3, PLO5, PLO8	3
19	Seminar tổng thể	OVS 801	đk	PLO1, PLO3, PLO4, PLO9	4
20	<b>5. Luận án tiến sĩ</b>	EMA 908	<b>74</b>	PLO1, PLO3, PLO4, PLO9	4
<b>Tổng tín chỉ toàn khóa</b>			<b>108</b>		

**4. 3. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo đối với người học từ cử nhân ngành đúng**

TT	Nội dung chương trình đào tạo	Mã học phần	Số TC	Đáp ứng CDR CTĐT	Năm
<b>I</b>	<b>Chương trình thạc sĩ</b>		<b>39</b>		
	<b>1. Khối Kiến thức cơ bản</b>		<b>12</b>		
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>		
1	Triết học	PHI 631	3	PLO1, PLO6, PLO7	1
2	Phương pháp NCKH	SRM 631	3	PLO3, PLO6, PLO8	1
	<b>Học phần tự chọn</b> (Chọn 2 trong số 4 học phần)		<b>6</b>		
3,4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE 631	3	PLO1, PLO6, PLO7	1
	Luật kinh tế	ECL 631	3	PLO2, PLO4, PLO7	1
	Toán kinh tế	MAE 631	3	PLO2, PLO4, PLO9	1
	Kế toán quản trị	MAA 631	3	PLO2, PLO4, PLO9	1
	<b>2. Khối kiến thức ngành</b>		<b>15</b>		
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>		
5	Quản trị học nâng cao	MAN 631	3	PLO3, PLO4, PLO7	1
6	Quản lý kinh tế	EMA 631	3	PLO2, PLO4, PLO7	1
	<b>Học phần tự chọn</b> (Chọn 3 trong số 5 học phần)		<b>9</b>		
7,8	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME 631	3	PLO3, PLO6, PLO9	1
,9	Dự báo phát triển KTXH	SDF 631	3	PLO3, PLO4, PLO8	1

TT	Nội dung chương trình đào tạo	Mã học phần	Số TC	Đáp ứng CDR CTĐT	Năm
	Kinh tế công cộng nâng cao	PEA 631	3	PLO3, PLO4, PLO8	1
	Marketing địa phương	MAL 631	3	PLO3, PLO4, PLO8	1
	Kinh tế lượng ứng dụng	APE 631	3	PLO3, PLO4, PLO8	1
	<b>3. Khối kiến thức chuyên ngành</b>		<b>12</b>		
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>		
10	Quản lý công	MOP 631	3	PLO2, PLO4, PLO7	1
11	Quản lý phát triển địa phương	MLD 631	3	PLO3, PLO6, PLO7	2
	<b>Học phần tự chọn</b> (Chọn 2 trong số 6 học phần)		<b>6</b>		
12, 13	Phân tích chính sách kinh tế	EPA 631	3	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Tài chính phát triển	DEF 631	3	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Quản lý dự án	PRM 631	3	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Quản lý rủi ro và khủng hoảng	RMC 631	3	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Tâm lý học quản lý kinh tế	EMP 631	3	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức	ORC 631	3	PLO2, PLO4, PLO8	2
<b>II</b>	<b>Chương trình tiến sĩ</b>		<b>90</b>		
	<b>1. Học phần chương trình tiến sĩ</b>		<b>8</b>		
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>4</b>		
14	Phương pháp NCKH và viết luận án tiến sĩ	MWD 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	2
15	Quản lý kinh tế nâng cao	EEM 821	2	PLO2, PLO5, PLO9	2
	<b>Học phần tự chọn</b> (Chọn 2 trong số 5 học phần)		<b>4</b>		
16, 17	Kinh tế lượng ứng dụng	AEC 821	2	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Lãnh đạo học	SCL 821	2	PLO2, PLO4, PLO9	2
	Quản lý tài chính công	EAH 821	2	PLO2, PLO4, PLO8	2
	Quản lý khoa học-công nghệ	STM 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	2
	Tổ chức không gian kinh tế - xã hội	OSE 821	2	PLO3, PLO6, PLO8	2
18	<b>2. Tiểu luận tổng quan</b>	OVE 821	<b>2</b>	PLO1, PLO4, PLO7	1
	<b>3. Chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>		
19	Chuyên đề 1	DIT 821	2	PLO3, PLO5, PLO8	2
20	Chuyên đề 2	DIT 822	2	PLO3, PLO5, PLO8	2
21	Chuyên đề 3	DIT 823	2	PLO3, PLO5, PLO8	3

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương trình đào tạo</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Đáp ứng CDR CTĐT</b>	<b>Năm</b>
	<b>4. Seminar</b>				
22	Seminar 1	SEM 801	đk	PLO1, PLO4, PLO7	2
23	Seminar 2	SEM 802	đk	PLO2, PLO4, PLO8	2
24	Seminar 3	SEM 803	đk	PLO3, PLO5, PLO8	3
25	Seminar 4	SEM 804	đk	PLO3, PLO5, PLO8	3
26	Seminar tổng thể	OVS 801	đk	PLO1,PLO3,PLO4, PLO9	4
27	<b>5. Luận án tiến sĩ</b>	EMA 908	<b>74</b>	PLO1,PLO3,PLO4, PLO9	4
	<b>Tổng tín chỉ toàn khóa</b>		<b>129</b>		